TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2021
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thêu.

2. Bà Hoàng Thị Len.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2021/QĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị H** - Sinh năm 1987.

ĐKHK: Xóm X, thôn B, xã ĐS, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Singapore.

* *Bị đơn:* Anh **Phạm Phú N** - Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm X, Thôn B, xã ĐS, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

(anh N vắng mặt, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn - Chị Phạm Thị H trình bày:* Chị và anh Phạm Phú N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐS, huyện ĐH, tỉnh Thái

Bình ngày 24/11/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng do kinh tế gia đình khó khăn nên tháng 5/2016 chị đi lao động tại Singapore và hiện nay chị vẫn đang sinh sống, làm việc tại nước ngoài, do vậy vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống, hai bên tự lo liệu cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Phú N.

Chị và anh Phạm Phú N có 02 con chung là Phạm Gia L, sinh ngày 18/4/2011 và Phạm Bảo K, sinh ngày 06/5/2015, hiện nay chị đang làm việc tại nước ngoài, ly hôn chị đồng ý để anh Phạm Phú N chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000 đồng/2 con/tháng.

Chị và anh Phạm Phú N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị đang sinh sống và làm việc tại Singapore và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên chị không thể về Việt Nam tham gia tố tụng tại Toà án, chị có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, Công văn và gửi giấy triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Phạm Phú N nhưng anh N không có quan điểm trình bày về việc chị H xin ly hôn.

* *Tòa án tiến hành lập Biên bản lấy lời khai với bà Vũ Thị Mơ (mẹ đẻ anh N), bà Mơ trình bày:* Anh Phạm Phú N và chị Phạm Thị H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐS ngày 24/11/2009, sau khi kết hôn chị H và anh N chung sống rất hạnh phúc, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh N và gia đình anh N đi theo đạo thiên chúa giáo nên không đồng ý ly hôn, anh N mong muốn chị H về đoàn tụ với gia đình. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Anh N và chị H có 02 con chung là cháu Phạm Gia L, sinh ngày 18/4/2011 và cháu Phạm Bảo K, sinh ngày 06/5/2015, hai cháu Linh và K đang sống cùng bà và anh N. Hiện nay chị H đang lao động tại Singapore, trường hợp Toà án giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giao cháu Linh và cháu K cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H đề nghị cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/2 con/tháng, bà và anh N đồng ý. Anh N và chị H không có tài sản chung và nợ chung, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* *Tại "Bản tường trình" ngày 16/7/2021 chị Phạm Thị H trình bày:* Sau khi chị sinh con Phạm Bảo K thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng về quan điểm sống, hơn nữa kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn do vợ chồng không có việc làm ổn định nên tháng 5/2016 chị đi lao động tại Singapore. Từ khi chị đi nước ngoài đến nay, vợ chồng không liên lạc với nhau, thỉnh thoảng chị có

điện thoại về gia đình anh N để hỏi thăm việc học hành của các con chứ vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau và hiện nay anh N đã có quan hệ với người phụ nữ khác. Đến nay anh N muốn chị về đoàn tụ gia đình thì đã muộn vì mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài vì vậy chị vẫn giữ N đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Phú N.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình kết luận quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phạm Phú N.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung Phạm Gia L, sinh ngày 18/4/2011 và Phạm Bảo K, sinh ngày 06/5/2015 cho anh Phạm Phú N trực tiếp nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N 3.000.000/con/tháng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* **Về tố tụng:** Anh Phạm Phú N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị Phạm Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Phú N kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐS, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình ngày 24/11/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tháng 5/2016 chị H đi lao động tại Singapore vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng và ít liên lạc quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N lên Tòa án trình bày quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H nhưng anh N không có ý kiến trả lời, thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phạm Phú N là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Phú N có hai con chung là Phạm Gia L, sinh ngày 18/4/2011 và Phạm Bảo K, sinh ngày 06/5/2015, hiện nay chị H đang lao động ở nước ngoài, chị H đồng ý để anh Phạm Phú N trực tiếp nuôi dạy con chung và cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/con/tháng, thông qua gia đình anh N nhất trí nuôi 2 con chung và mức cấp dưỡng chị H đóng góp nuôi con. Do đó, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao hai con chung cho anh N nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N 3.000.000 đồng/con/tháng đến khi 2 con chung tròn 18 tuổi là phù hợp pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, anh Phạm Phú N chưa có lời khai trình bày về tài sản và hiện tại vắng mặt nên Tòa án không xem xét. Khi nào các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phạm Phú N.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Phạm Phú N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Phạm Gia L, sinh ngày 18/4/2011 và Phạm Bảo K, sinh ngày 06/5/2015. Chị Phạm Thị H cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh Phạm Phú N 3.000.000 đồng/con/tháng, tính từ tháng 9/2021 đến khi hai con chung tròn 18 tuổi. Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc giáo dục con chung.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con tổng là 600.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000 đồng chị H nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005044 ngày 15 tháng 4 năm 2021 (do ông Phạm Hữu Lâm nộp thay) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí, chị H còn phải thi hành 300.000 đồng.

Án xử công khai vắng mặt chị Phạm Thị H và anh Phạm Phú N. Anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- UBND xã ĐS, huyện ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo